

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: **13** /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày **03** tháng **9** năm **2015**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 41/TTr-SKHCN ngày 14/8/2015; Báo cáo thẩm định số 224/BCTĐ-STP ngày 22/7/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn”.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn và phối hợp với các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện quy chế này.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 885/2009/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Quyết định số 2493/2011/QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (thực hiện);
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Chính phủ (b/c);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản BTP (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ KHCN (b/c);
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- T. Tâm Công báo tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu: VT, NLN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



*** Nông Văn Chí**

QUY CHẾ

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** / 2015/QĐ-UBND ngày **03** / 9/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**CHƯƠNG I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (viết tắt là KH&CN) cấp tỉnh và áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh cấp 100% hoặc hỗ trợ một phần kinh phí. Nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- b) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng Quy chế này để đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh.

Điều 2. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ KH&CN được ghi theo nhóm ký hiệu sau: X.YYYY.ZZ, giữa các nhóm ký hiệu là dấu chấm (.), trong đó:

1. Ký hiệu X là nhóm 1 chữ số ghi theo chỉ số phân loại lĩnh vực KH&CN theo quy định của Bộ KH&CN, cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------------------|---|
| a) Khoa học tự nhiên: | 1 |
| b) Khoa học kỹ thuật và công nghệ: | 2 |
| c) Khoa học y dược: | 3 |
| d) Khoa học nông nghiệp: | 4 |
| e) Khoa học xã hội: | 5 |
| f) Khoa học nhân văn: | 6 |

2. Ký hiệu YYYY là nhóm 4 chữ số ghi năm thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Năm bắt đầu thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ với cơ quan chủ trì.

3. Ký hiệu ZZ là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của nhiệm vụ KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ cấp sau khi nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt triển khai.

Điều 3. Điều kiện để tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN được quyền tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN;

b) Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng phối hợp, triển khai nghiên cứu để thực hiện thành công nhiệm vụ KH&CN;

c) Đã hoàn thành đúng thời hạn và được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu trở lên đối với nhiệm vụ KH&CN do mình thực hiện trước đó (nếu có).

2. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có đủ các điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nhiệm vụ KH&CN thực hiện; có đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN. Đối với các nhiệm vụ KH&CN trước đó do mình làm chủ nhiệm (nếu có) phải hoàn thành đúng thời hạn, được Hội đồng nghiệm thu đánh giá “Đạt” trở lên;

b) Mỗi cá nhân trong một (01) năm chỉ làm chủ nhiệm một (01) nhiệm vụ KH&CN nhưng có thể đồng thời tham gia nghiên cứu nhiều nhiệm vụ KH&CN khác. Mỗi nhiệm vụ KH&CN có một (01) tổ chức chủ trì và một (01) chủ nhiệm. Trường hợp đặc biệt, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định đồng chủ nhiệm hoặc đồng chủ trì nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học chuyên ngành;

c) Là cán bộ thuộc cơ quan chủ trì thực hiện.

3. Các trường hợp vi phạm các lỗi sau không có quyền tham gia đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

a) Các tổ chức khoa học và công nghệ không được đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong các trường hợp sau:

- Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trước đây;

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trước đó chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng KH&CN trên 180 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng;

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng KH&CN và yêu cầu của bên đặt hàng, không được đăng ký tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

- Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

b) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Bao gồm: Đề tài, dự án thuộc chương trình KH&CN cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh; đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; dự án KH&CN cấp tỉnh; đề tài, dự án KH&CN theo nghị định thư; đề tài, dự án do các Quỹ về KH&CN tài trợ hoặc đề tài, dự án thực hiện bằng hình thức vay vốn hoặc được bảo lãnh vay vốn từ các quỹ của nhà nước;

- Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định hiện hành trên 180 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm;

- Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

- Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thời gian thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không quá 05 năm.

2. Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có đặc thù riêng cần kéo dài thời gian so với quy định nêu trên phải được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MỤC 1. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHUYÊN NGÀNH

Điều 5. Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chuyên gia cấp tỉnh

1. Hội đồng KH&CN chuyên ngành bao gồm: Hội đồng tư vấn, xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Hội đồng đánh giá, công nhận kết quả các đề tài, sáng kiến của các cá nhân được đề nghị danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, cấp toàn quốc.

2. Hội đồng tư vấn, xác định nhiệm vụ là Hội đồng KH&CN tỉnh. Hội đồng KH&CN tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và có quy chế tổ chức, hoạt động riêng trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập các Hội đồng KH&CN chuyên ngành, tổ chuyên gia đánh giá.

Riêng đối với nhiệm vụ KH&CN có thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh, các Hội đồng KH&CN chuyên ngành do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, Hội đồng giao trực tiếp nhiệm vụ, Hội đồng chuyên ngành nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN có từ 07 đến 09 thành viên, gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên; trong đó có ít nhất là 02 ủy viên phân biện. Thành viên Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu về lĩnh vực KH&CN mà Hội đồng được giao tư vấn. Các thành viên Hội đồng, gồm đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; cơ quan, tổ chức đặt hàng, áp dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN; các cán bộ nghiên cứu KH&CN, nhà kinh doanh có lĩnh vực chuyên môn phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được chỉ định 02 chuyên gia phân biện kín, không nêu danh. Đối với Hội đồng nghiệm thu, có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng chuyên ngành xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

5. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm bố trí thời gian nghiên cứu, đánh giá khách quan, trung thực thuyết minh nhiệm vụ KH&CN và kết quả thực hiện của nhiệm vụ KH&CN.

Thư ký hành chính chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng là chuyên viên của Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ

có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ. Tổ chuyên gia gồm 3 thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch Hội đồng làm tổ trưởng.

7. Các trường hợp sau không được tham gia Hội đồng KH&CN tuyển chọn; giao trực tiếp; nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN; đánh giá công nhận kết quả các đề tài, sáng kiến của các cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, cấp toàn quốc:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Điều 6. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn, chịu trách nhiệm pháp lý về ý kiến nhận xét của mình và không tiết lộ về các thông tin làm việc của Hội đồng.

2. Hội đồng chỉ tiến hành phiên họp khi có mặt Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch, các Ủy viên phân biện và 2/3 số thành viên trở lên. Các Ủy viên Hội đồng phải có ý kiến nhận xét, đánh giá nhiệm vụ KH&CN bằng văn bản trong mỗi phiên họp.

3. Tài liệu làm việc của Hội đồng được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày trước phiên họp Hội đồng.

MỤC 2. PHƯƠNG THỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh:

1. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
- b) Giải quyết các vấn đề KH&CN trong phạm vi tỉnh;
- c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh.

2. Danh mục nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do các tiểu ban chuyên môn và Hội đồng KH&CN cấp tỉnh xem xét thông qua, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Điều 8. Những cơ sở để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN của tỉnh phải xuất phát từ định hướng phát triển KH&CN theo từng thời kỳ của tỉnh và yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành hoặc của một vùng, liên vùng đối với sự phát triển của tỉnh Bắc Kạn.

2. Nhiệm vụ KH&CN phải đảm bảo có giá trị về khoa học và thực tiễn, có tính mới, tính sáng tạo, tính cấp thiết và tính khả thi.

3. Kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN phải có khả năng mở ra các hướng nghiên cứu mới và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống hoặc có khả năng tư vấn cho các cấp lãnh đạo trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hoặc đóng góp cho sự phát triển của vùng và Quốc gia.

4. Dự án phải tập trung triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề án khoa học; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, áp dụng công nghệ tạo ra sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 9. Trình tự xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hằng năm, căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đặt hàng, đăng ký danh mục các nhiệm vụ KH&CN cần triển khai thực hiện trong năm kế hoạch. Văn bản hướng dẫn đăng ký danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 3 của năm trước năm kế hoạch. Thời gian đăng ký danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phải xong trước ngày 30 tháng 4 của năm trước năm kế hoạch.

2. Tổ chức họp các Tiểu ban chuyên môn của Hội đồng xong trước ngày 30 tháng 5 của năm trước kế hoạch; tổng hợp đề xuất của các Tiểu ban trình Hội đồng KH&CN nghệ tỉnh xem xét lựa chọn các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh xong trước ngày 15 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch và chậm nhất là ngày 30 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ gửi kế hoạch KH&CN của tỉnh về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN đăng ký cấp Bộ, cấp Quốc gia Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN do các cơ quan, đơn vị đã đăng ký báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ kết quả đề xuất của Hội đồng KH&CN cấp tỉnh xác định nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN theo 2 phương thức: Tuyển chọn và giao trực tiếp.

Điều 10. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Có 2 phương thức giao nhiệm vụ KH&CN:

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định trong Quy định này.

2. Giao trực tiếp là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 3. TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**Điều 11. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện *
nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nguyên tắc chung:

a) Tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua Hội đồng KH&CN chuyên ngành (sau đây gọi là Hội đồng);

c) Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể;

d) Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một nhiệm vụ KH&CN. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

c) Danh mục các nhiệm vụ KH&CN, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày làm việc để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Luật khoa học và công nghệ và đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi đã có ý kiến của Hội đồng chuyên ngành xác định nhiệm vụ.

Điều 12. Đánh giá Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức tuyển chọn

1. Căn cứ danh mục nhiệm vụ KH&CN đã được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Bắc Kạn hoặc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Website của Sở, hoặc Báo Khoa học và phát triển về các nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức tuyển chọn; thời hạn nộp hồ sơ từ 30-45 ngày tính từ ngày thông báo.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, tổ chức mở hồ sơ và Hội đồng tiến hành đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.

3. Trên cơ sở kết quả tư vấn lựa chọn của Hội đồng tuyển chọn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển và thông báo kết quả đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

4. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh nội dung thuyết minh, dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn.

5. Hồ sơ trúng tuyển, sau khi hoàn chỉnh được thực hiện đánh giá như hồ sơ giao trực tiếp theo trình tự quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 13. Đánh giá Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức giao trực tiếp

1. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo phương thức giao trực tiếp xây dựng và hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn nộp hồ sơ là 30 ngày tính từ ngày phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh;

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng chuyên ngành và tiến hành đánh giá hồ sơ của từng nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 30 ngày;

3. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉnh sửa hồ sơ và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 30 ngày;

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định nội dung và kinh phí theo Quy định hiện hành của nhà nước và của UBND tỉnh Bắc Kạn Quy định về thẩm định và phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN.

5. Trên cơ sở biên bản thẩm định dự toán kinh phí và các nội dung liên quan khác, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉnh sửa hồ sơ và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 15 ngày;

6. Khi tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN không hoàn chỉnh hồ sơ đúng thời hạn theo quy định tại Điều này, nếu không có lý do chính

đáng, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cho dừng triển khai.

Điều 14. Phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong năm kế hoạch.

2. Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh là căn cứ pháp lý cho việc ký kết Hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 15. Bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm kế hoạch

Khi cần thiết và có nhu cầu bổ sung nhiệm vụ KH&CN mới, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét xin ý kiến Hội đồng KH&CN tỉnh bổ sung nhiệm vụ KH&CN và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

MỤC 4. TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết Hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ để tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 17. Điều chỉnh Hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nếu có sự phát sinh cần điều chỉnh cho phù hợp thì tùy theo yêu cầu của công việc mà chủ nhiệm nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chỉ được giao khoán trong phạm vi tổng dự toán được phê duyệt thực hiện và phải báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan chủ quản cấp trên.

2. Điều chỉnh về tên, mục tiêu sản phẩm:

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh;

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: Việc điều chỉnh được xem xét sau khi có ý kiến của hội đồng tư vấn và ý kiến đồng thuận bằng văn bản của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài các nội dung sau:

a) Tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN được kéo dài tối đa không quá 6 tháng với các nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở xuống, dưới 12 tháng với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng;

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng;

c) Dự toán kinh phí được phê duyệt đối với các nội dung chi không giao khoán trong phạm vi tổng dự toán được phê duyệt.

4. Các điều chỉnh Hợp đồng không thuộc quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước.

5. Quyết định và các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh là một bộ phận của Hợp đồng.

Điều 18. Đình chỉ và chấm dứt Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh đình chỉ và chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ KH&CN khi thực hiện gặp các yếu tố khách quan như: Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể hoàn thành;

b) Vi phạm Hợp đồng: Các điều kiện theo Hợp đồng không được đảm bảo dẫn đến nhiệm vụ không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ thực hiện không đạt được mục tiêu, không đúng nội dung theo Hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý, hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu; tranh chấp giữa tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ mà không có hướng giải quyết.

2. Căn cứ quyết định đình chỉ và chấm dứt thực hiện Hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN thực hiện các thủ tục thanh lý Hợp đồng theo các điều khoản đã ký giữa các bên và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt hợp đồng.

a) Lập hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ lập hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng trong trường hợp chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng;

- Đơn vị quản lý KH&CN cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng trong trường hợp có đủ căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 18 của Quy chế này.

b) Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng bao gồm:

- Công văn giải trình, đề nghị chấm dứt hợp đồng của tổ chức chủ trì đối với trường hợp quy định tại Điểm a khoản 1 Điều này;

- Đề xuất của Cơ quan quản lý khoa học công nghệ đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

- Hợp đồng, thuyết minh đã ký giữa tổ chức chủ trì với Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn;

- Báo cáo nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai;

- Báo cáo tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí;

- Tài liệu khác (nếu có).

c) Trình tự, thẩm quyền thực hiện chấm dứt hợp đồng:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ;

- Tổ chức chủ trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan kể từ ngày có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, trang thiết bị mua sắm;

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường trước khi trình UBND tỉnh ra quyết định chấm dứt hợp đồng. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm;

- Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

MỤC 5. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, LƯU TRỮ VÀ ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 19. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ KH&CN

a) Việc kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ KH&CN được thực hiện như sau:

Cơ quan quản lý KH&CN (Sở Khoa học và Công nghệ) tổ chức kiểm tra định kỳ sáu tháng một lần; cơ quan chủ trì tổ chức đánh giá một năm một lần. Trường hợp cần thiết có thể kiểm tra đánh giá đột xuất, hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ.

Nội dung kiểm tra, đánh giá gồm: Nội dung thực hiện, tiến độ, kinh phí, và các nội dung khác.

b) Thành phần của đoàn kiểm tra, đánh giá gồm:

- Lãnh đạo và chuyên viên của Sở Khoa học và Công nghệ;

- Lãnh đạo và chuyên viên của đơn vị chủ trì thực hiện;

- Đại diện cơ quan đặt hàng, địa điểm triển khai nhiệm vụ;

- Lãnh đạo và chuyên viên của cơ quan quản lý đơn vị chủ trì (nếu có);
- Thành phần khác.

2. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN được tiến hành theo 2 bước: Đánh giá kết quả ở cấp cơ sở và đánh giá kết quả ở cấp tỉnh. Mỗi bước đánh giá được tổ chức thực hiện riêng biệt.

Điều 20. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả cấp cơ sở

1. Hồ sơ đánh giá gồm:

- a) Hợp đồng, hồ sơ nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt;
- b) Những tài liệu và sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ KH&CN với số lượng và yêu cầu như đã nêu trong Hợp đồng;
- c) Bản vẽ thiết kế đối với sản phẩm là thiết bị, các số liệu điều tra - khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc;
- d) Các Biên bản kiểm tra định kỳ của Sở Khoa học và Công nghệ;
- đ) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;
- e) Các tài liệu có liên quan;
- g) Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính;
- h) Văn bản đề nghị đánh giá cấp cơ sở của chủ nhiệm vụ KH&CN.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá cấp cơ sở, tổ chức chủ trì tiến hành kiểm tra, đảm bảo hồ sơ đủ điều kiện để đưa vào đánh giá, nghiệm thu; Thủ trưởng tổ chức chủ trì ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (Sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở).

3. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có từ 05 đến 07 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 ủy viên thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Ủy viên Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở là những cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN và không có tên trong danh sách những người tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xem xét nội dung, khối lượng sản phẩm, phương pháp nghiên cứu, các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học, kết quả nghiên cứu, mức độ hoàn thành so với nội dung thuyết minh nhiệm vụ KH&CN và Hợp đồng đề đánh giá theo 02 mức: “đạt” hoặc “không đạt”. Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá ở mức “đạt” là cơ sở để trình Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh.

5. Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN xếp loại “không đạt” Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở nêu rõ lý do và đề nghị nhiệm vụ KH&CN được tiếp tục hoàn thiện hoặc phải đình chỉ thực hiện tùy thuộc vào các lý do sau:

a) Do không bảo đảm khối lượng, chất lượng nghiên cứu được đề nghị tiếp tục hoàn thiện, chủ nhiệm vụ KH&CN phải bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và làm lại thủ tục đánh giá cấp cơ sở trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở. Trường hợp không bảo đảm thời hạn trên, tổ chức chủ trì phải có văn bản đề

ngiht Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn, thời gian gia hạn để hoàn thiện sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN tối đa là 60 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

b) Do hồ sơ, tài liệu không trung thực, sao chép kết quả nghiên cứu của người khác hoặc làm trái các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN tổ chức chủ trì có trách nhiệm xem xét và có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ đình chỉ thực hiện;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, quyết định gia hạn thời gian thực hiện hoặc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản làm việc của Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá theo kiến nghị của Hội đồng và gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 21. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả cấp tỉnh

1. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì;

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ;

d) Bản sao Hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ;

e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);

f) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ;

g) Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ;

h) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ;

i) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

k) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và xúc tiến thành lập Hội đồng chuyên ngành đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy chế này để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh

a) Nội dung đánh giá:

Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng v.v) và tài

liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

b) Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

c) Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Đối với sản phẩm là: Mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

Đối với sản phẩm là: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

Đối với sản phẩm là: Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

4. Đánh giá của thành viên Hội đồng.

Trên cơ sở xem xét nội dung, khối lượng sản phẩm nhiệm vụ KH&CN; phương pháp nghiên cứu; các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN; mức độ hoàn thành báo cáo và tài liệu so với nội dung thuyết minh và Hợp đồng, Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá theo phương pháp chấm điểm, bỏ phiếu xếp loại theo 4 mức: Xuất sắc (A): đạt từ 90-100 điểm, Khá (B): đạt từ 70-89 điểm, Đạt yêu cầu (C): đạt từ 50 đến 69 điểm và Không đạt: đạt dưới 50 điểm.

5. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và nộp tài liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét công nhận kết quả thực hiện.

7. Riêng nhiệm vụ KH&CN đánh giá xếp loại “không đạt” Hội đồng có thể kiến nghị cho nghiệm thu lại hoặc không. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện và làm lại thủ tục đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh trên cơ sở kiến nghị cho nghiệm thu lại của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh. Thời gian gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện nhiệm vụ KH&CN tối đa 60 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh.

Điều 22. Công nhận kết quả, giao nộp sản phẩm và đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày có kết luận đánh giá của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh; đồng thời tổ chức chủ trì và chủ nhiệm phải thực hiện các thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu với Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia theo quy định của Luật KH&CN và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu, công nhận, không thuộc lĩnh vực an ninh - quốc phòng phải giữ bí mật, không vi phạm các điều cấm trong Luật KH&CN vào thực tiễn theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Tổ chức ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu

1. Kết quả nghiên cứu về lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật - công nghệ sau khi được đánh giá công nhận có giá trị ứng dụng rộng rãi, được chuyển thành các tiến bộ KH&CN; chậm nhất là 12 tháng sau khi nghiệm thu, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và sở, ngành quản lý, cơ quan, đơn vị đặt hàng thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến áp dụng, chuyển giao vào sản xuất và đời sống. Hàng năm, tổng kết đánh giá tình hình ứng dụng tiến bộ KH&CN từ các kết quả nghiên cứu này.

2. Kết quả nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã được nghiệm thu và công nhận không thuộc lĩnh vực an ninh - quốc phòng phải giữ bí mật, không vi phạm các điều cấm trong Luật KH&CN, có khả năng cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thì được ứng dụng, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Trên cơ sở tham khảo ý kiến của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phạm vi, đối tượng và yêu cầu của việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng có trả tiền hoặc không trả tiền đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Việc chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 3, Điều này phải được thực hiện thông qua hợp đồng theo các quy định của pháp luật. Phí chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do bên cung cấp và bên tiếp nhận dịch vụ thỏa thuận trong hợp đồng và được sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Nghiêm cấm việc tự ý cung cấp và cung cấp không đúng thẩm quyền các sản phẩm và thông tin về kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN trước và sau khi đánh giá nghiệm thu.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Phân bổ dự toán chi ngân sách cho khoa học và công nghệ:

a) Kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh được phân bổ về Sở khoa học và công nghệ. Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ với đơn vị chủ trì thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giao dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì tại Kho bạc nhà nước theo tiến độ xác định trong hợp đồng đã ký với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

b) Khi thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phân bổ cho Quỹ, Giám đốc quỹ có trách nhiệm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt vào tài khoản của cơ quan chủ trì tại Kho bạc nhà nước theo tiến độ xác định trong hợp đồng.

2. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN và các quy định trong quy chế này.

3. Nội dung và định mức chi cho các nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và quy định của UBND tỉnh.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu quy định quản lý tài chính tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 25. Thu hồi kinh phí, miễn giảm kinh phí thu hồi

1. Các nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm được thương mại hoá có trách nhiệm nộp một phần kinh phí thu hồi từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Mức thu hồi từng nhiệm vụ KH&CN sẽ do Hội đồng KH&CN chuyên ngành xét duyệt tư vấn đề nghị và Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm mức kinh phí thu hồi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

2. Kinh phí thu hồi các nhiệm vụ KH&CN được quy định rõ trong Hợp đồng; tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm nộp vào tài khoản chuyên thu của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Trường hợp bị thiệt hại do những tác động khách quan, bão, lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh gây ra, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải báo cáo giải trình rõ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xem xét và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh miễn, giảm kinh phí thu hồi theo quy định của nhà nước.

Điều 26. Xử lý tài chính trong trường hợp đình chỉ và chấm dứt Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN chưa triển khai thì không cấp kinh phí và thông báo hủy Hợp đồng. Các chi phí cho Hội đồng xét duyệt được thanh toán trong nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm phân bổ cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã triển khai thực hiện thì thành lập Hội đồng liên ngành xác định trách nhiệm của mỗi bên và thẩm tra số kinh phí thực hiện chi hợp lý theo đúng với nội dung thuyết minh được phê duyệt thì được thanh quyết toán; số kinh phí chi sai mục đích phải xuất toán; thu hồi số kinh phí đã cấp còn lại. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải có trách nhiệm nộp số kinh phí bị xuất toán, kinh phí thu hồi và kinh phí còn lại vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 27. Quyết toán kinh phí và thanh lý Hợp đồng

1. Kinh phí nhiệm vụ KH&CN được cấp tạm ứng cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ theo các qui định về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KH&CN của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí với Sở Tài chính. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm quyết toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN vào cuối kỳ kế hoạch hàng năm với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Nhiệm vụ KH&CN chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí của mỗi nhiệm vụ KH&CN được giữ lại từ 5% đến 10% trên tổng kinh phí được duyệt để phục vụ công tác nghiệm thu và sẽ cấp tiếp khi quyết toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4. Số dư dự toán, tạm ứng của nhiệm vụ KH&CN đang trong thời gian triển

khai thực hiện theo tiến độ của nội dung thuyết minh, dự toán đã phê duyệt, được chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thủ tục quyết toán tài chính trong khuôn khổ nhiệm vụ KH&CN theo các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo quyết toán tài chính là cơ sở thanh lý Hợp đồng;

6. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý Hợp đồng chậm nhất 5 ngày kể từ ngày tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoàn thành việc quyết toán kinh phí, công nhận, đăng ký kết quả nhiệm vụ KH&CN và giao nộp đầy đủ các sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn các Sở, ngành, các tổ chức KH&CN và cán bộ KH&CN trong và ngoài tỉnh đăng ký thực hiện hoặc đề xuất nhiệm vụ KH&CN hàng năm. Đồng thời tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ này.

2. Xây dựng và ban hành phương thức và quy trình làm việc của từng Hội đồng xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, nghiệm thu; phương pháp đánh giá nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành của Bộ KH&CN.

3. Tổ chức hướng dẫn thực hiện thống nhất các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Bộ KH&CN trong từng giai đoạn cụ thể.

4. Tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh, dự toán, ký kết Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng theo các quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật.

5. Kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc hoàn thành và sử dụng kinh phí. Trong trường hợp cần thiết có thể xem xét theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung khoa học, tiến độ và phương thức sử dụng kinh phí thực hiện cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Chủ trì, phối hợp với Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các Sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN. Báo cáo định kỳ sáu tháng, một năm và đột xuất cho Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ KH&CN về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN triển khai trên địa bàn tỉnh.

7. Tổ chức đánh giá, thẩm định kết quả đối với nhiệm vụ KH&CN không sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh, đã triển khai có hiệu quả trên địa bàn tỉnh và trình UBND tỉnh quyết định công nhận kết quả theo quy định hiện hành khi

có đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc cá nhân thực hiện đề tài. Kinh phí tổ chức đánh giá, thẩm định do các đơn vị, cá nhân đề nghị đánh giá, thẩm định chi trả. Mức áp dụng theo quy định hiện hành đối với việc đánh giá, thẩm định nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành trong việc đề xuất khen thưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có thành tích trong quá trình thực hiện.

Điều 29. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ, ngành chức năng ban hành và chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Sau khi thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải ký xác nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện hợp đồng với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm chỉ đạo, đồng đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN do tổ chức mình thực hiện; giám sát chỉ tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng chế độ qui định.

3. Cử người có thẩm quyền tham dự các buổi họp của Hội đồng KH&CN chuyên ngành, tham gia kiểm tra hay nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN, nếu được mời.

4. Ra quyết định thành lập Ban chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở đề xuất của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN. Ban chủ nhiệm tối đa không quá 9 người tùy theo quy mô và thời gian thực hiện, trong đó có 01 thư ký và 01 kế toán.

Ban chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm giúp chủ nhiệm triển khai các nội dung của nhiệm vụ KH&CN theo đúng tiến độ đã được phê duyệt và được hưởng thù lao từ nguồn kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.

5. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh nội dung, kinh phí và cá nhân làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

6. Thành lập Hội đồng, tổ chức đánh giá kết quả hàng năm và nghiệm thu cấp cơ sở. Nộp kinh phí thu hồi (nếu có) cho cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

7. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm mở sổ sách kế toán theo dõi tình hình sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành. Các khoản chi, mục chi phải thể hiện rõ ràng, có đầy đủ chứng từ, hoá đơn hợp lệ theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chịu trách nhiệm chính về nội dung, tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, sử dụng kinh phí đúng mục đích; nghiêm túc thực hiện những điều

cam kết trong hợp đồng. Chủ nhiệm phải báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện và thanh toán kinh phí đã sử dụng của đợt tạm ứng trước thì mới được tạm ứng kinh phí đợt tiếp theo.

2. Định kỳ 06 tháng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bao gồm cả nội dung, tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ động sử dụng kinh phí được cấp và điều hòa nhân lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đợt xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng qui định hiện hành của nhà nước, nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký.

4. Được hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu, khuyến khích chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phối hợp với địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nhân rộng kết quả nghiên cứu tại nơi đã triển khai.

6. Giao nộp, đăng ký và lưu trữ kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này, bảo mật tài liệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Hằng năm trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN; khai thác các nguồn lực, tổ chức chỉ đạo việc nhân rộng kết quả nghiên cứu đã thành công vào sản xuất và đời sống.

2. Hằng năm tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, kể cả nguồn vốn sự nghiệp KH&CN của tỉnh và các nguồn vốn khác về Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN triển khai của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc và các đơn vị khác thực hiện trên địa bàn.

4. Thành lập Hội đồng KH&CN của sở, ngành, huyện, thành phố để xem xét các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị trực thuộc đăng ký thực hiện ở cấp tỉnh, cấp cơ sở và có văn bản tổng hợp để đăng ký thực hiện;

5. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về hành chính và tổ chức, huy động các phương tiện vật chất kỹ thuật cần thiết để cung cấp kịp thời cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN triển khai các nội dung theo đúng tiến độ quy định.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, nghiệm thu đạt được yêu cầu về ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn cao và ứng dụng rộng rãi trong đời sống xã hội, được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 33. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN không thực hiện đúng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được UBND tỉnh phê duyệt và cam kết trong Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN sẽ bị xử lý vi phạm theo quy pháp luật hiện hành thuộc lĩnh vực KH&CN và quy định khác của Nhà nước.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các hướng dẫn; hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nông Văn Chí